

## 【京都府】主な野菜の作付面積と収穫量

		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
					作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
指 定 野 菜	キャベツ	255	7,090	5,700	99	107	107
	春キャベツ	141	4,160	3,620	101	103	103
	夏秋キャベツ	16	...	...	nc	nc	nc
	冬キャベツ	98	...	...	nc	nc	nc
	きゅうり	135	4,550	3,810	99	105	105
	冬春きゅうり	16	...	...	nc	nc	nc
	夏秋きゅうり	119	3,400	2,700	99	103	103
	さといも	142	...	...	nc	nc	nc
	秋冬さといも	142	...	...	nc	nc	nc
	その他さといも	-	...	...	nc	nc	nc
	だいこん	259	...	...	nc	nc	nc
	春だいこん	19	...	...	nc	nc	nc
	夏だいこん	1	...	...	nc	nc	nc
	秋冬だいこん	239	...	...	nc	nc	nc
	たまねぎ	120	...	...	nc	nc	nc
	トマト	143	5,020	3,930	97	111	111
	ミニトマト	8	203	163	100	110	111
	加工用トマト	x	x	x	x	x	x
	冬春トマト	26	...	...	nc	nc	nc
	冬春ミニトマト	2	...	...	nc	nc	nc
	夏秋トマト	117	3,110	2,150	98	114	114
	夏秋ミニトマト	6	143	113	86	109	110
	夏秋加工用トマト	x	x	x	x	x	x
	なす	179	8,290	7,140	99	110	110
	冬春なす	1	...	...	nc	nc	nc
	夏秋なす	178	8,240	7,090	99	110	110
	にんじん	55	...	...	nc	nc	nc
	春夏にんじん	13	...	...	nc	nc	nc
	秋にんじん	1	...	...	nc	nc	nc
	冬にんじん	41	...	...	nc	nc	nc
	ねぎ	321	7,400	6,380	99	126	124
	春ねぎ	72	1,630	1,410	111	138	137
	夏ねぎ	62	...	...	nc	nc	nc
秋冬ねぎ	187	...	...	nc	nc	nc	
はくさい	121	...	...	nc	nc	nc	
春はくさい	11	...	...	nc	nc	nc	
夏はくさい	1	...	...	nc	nc	nc	
秋冬はくさい	109	...	...	nc	nc	nc	
ばれいしょ	208	...	...	nc	nc	nc	
春ばれいしょ	205	...	...	nc	nc	nc	
秋ばれいしょ	3	...	...	nc	nc	nc	
ピーマン(ししとう舎)	90	2,070	1,700	101	130	131	
冬春ピーマン	4	...	...	nc	nc	nc	
夏秋ピーマン	86	1,960	1,600	101	131	131	
ほうれんそう	329	5,170	4,450	99	97	97	

	レタス(サラダ菜含)	95	…	…	nc	nc	nc
	サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
	春レタス(サラダ菜含)	16	…	…	nc	nc	nc
	春サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
	夏秋レタス(サラダ菜含)	30	…	…	nc	nc	nc
	夏秋サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
	冬レタス(サラダ菜含)	49	…	…	nc	nc	nc
	冬サラダ菜	0	…	…	nc	nc	nc
		作付面積(ha)	収穫量(t)	出荷量(t)	対前年比		
					作付面積(%)	収穫量(%)	出荷量(%)
特 定 野 菜	アスパラガス	3	…	…	nc	nc	nc
	いちご	47	…	…	nc	nc	nc
	えだまめ	226	1,240	1,080	99	123	121
	かぶ	164	4,900	4,310	101	111	109
	かぼちゃ	96	…	…	nc	nc	nc
	カリフラワー	6	…	…	nc	nc	nc
	かんしょ	…	…	-	nc	nc	-
	グリーンピース	15	…	…	nc	nc	nc
	ごぼう	33	…	…	nc	nc	nc
	こまつな	194	3,410	3,130	99	103	103
	さやいんげん	77	…	…	nc	nc	nc
	さやえんどう	67	301	176	97	91	85
	ししとう	7	70	60	117	212	214
	冬春ししとう	1	…	…	nc	nc	nc
	夏秋ししとう	6	60	50	100	188	185
	しゅんぎく	32	525	419	100	109	109
	しょうが	7	…	…	nc	nc	nc
	スイートコーン	48	…	…	nc	nc	nc
	すいか	80	…	…	nc	nc	nc
	セルリー	0	…	…	nc	nc	nc
	そらまめ	10	…	…	nc	nc	nc
	ちんげんさい	2	…	…	nc	nc	nc
	にら	2	…	…	nc	nc	nc
	にんにく	8	…	…	nc	nc	nc
	ふき	10	59	53	77	83	83
	ブロッコリー	39	282	200	100	106	106
	みずな	147	2,370	2,150	99	108	108
	みつば	2	…	…	nc	nc	nc
	メロン	45	…	…	nc	nc	nc
	温室メロン	-	…	…	nc	nc	nc
やまのいも	19	…	…	nc	nc	nc	
ながいも	1	…	…	nc	nc	nc	
れんこん	2	…	…	nc	nc	nc	

資料：農林水産省「令和元年平成30年産野菜生産出荷統計」及び「令和元年産作物統計」

注：表中に用いた記号「0」：単位に満たないもの(例：0.4ha→0ha)、「-」：事実のないもの、「…」：事実不詳又は調査を欠くもの、「nc」：計算不能